TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

ỦY BAN THẨM PHÁN

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 53/2019/DS-GĐT
Ngày 30/9/2019
V/v *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tiến – Chánh án;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân và ông Nguyễn Thanh Long.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Quang Hưng – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: ông Trần Thanh Tuấn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"*, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H; địa chỉ: thôn F, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Anh Ngô Quang T; địa chỉ: thôn V, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Đình G-Chủ Doanh nghiệp tư nhân S; địa chỉ: thôn V, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Phan Thị H trình bày: Ngày 16/6/2015, anh Ngô Quang T vay của Bà 500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng; không thỏa thuận hạn trả nợ, nhưng anh T cam kết khi nào Bà thông báo thì anh T sẽ thu xếp trả. Từ khi vay đến tháng 3/2017, anh T đã trả Bà 210.000.000 đồng tiền lãi; khi trả lãi anh T thông báo cho Bà đến Doanh nghiệp tư nhân S (sau đây viết tắt là Doanh nghiệp S) nhận vì ông Ngô Đình G - Chủ Doanh nghiệp S là cha đẻ của anh T. Từ tháng 4/2017 đến nay anh T không trả lãi cũng như không trả gốc cho Bà. Nay, Bà khởi kiện yêu cầu anh T trả 500.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn là anh Ngô Quang T trình bày: Anh là con ông Ngô Đình G, bà Ngô Thị Đ. Ông G là chủ Doanh nghiệp S, nhưng bà Đ là người trực tiếp quản lý và điều hành Doanh nghiệp. Từ năm 2009 đến cuối tháng 3/2017, bà Phan Thị H

cho Doanh nghiệp S vay tiền nhiều lần. Khi vay tiền bà H, Doanh nghiệp S thường cử nhân viên đến gặp bà H để nhận tiền; có 11 nhân viên, trong đó có Anh thường được Doanh nghiệp điều đến gặp bà H nhận tiền, ngoài ra, Doanh nghiệp S còn nhờ 2 khách hàng của Doanh nghiệp S đến gặp bà H nhận tiền vay giúp Doanh nghiệp S. Đối với số tiền 500.000.000 đồng mà Anh nhận từ bà H ngày 16/6/2015 là tiền Doanh nghiệp S vay bà H, Anh chỉ là người nhận thay, sau khi nhận tiền Anh đã nộp vào quỹ của Doanh nghiệp S; do đó, nay Anh không đồng ý trả 500.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Đình G - Chủ doanh nghiệp tư nhân S trình bày: Ngày 16/6/2015, Doanh nghiệp S có vay bà H 500.000.000 đồng và giao cho anh Ngô Quang T là nhân viên của Doanh nghiệp đến gặp bà H nhận tiền; sau khi nhận tiền từ bà H, anh T đã nộp vào quỹ của Doanh nghiệp. Từ khi vay 500.000.000 đồng của bà H đến nay, Doanh nghiệp S có trả bà H 210.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả nợ gốc. Việc bà H căn cứ anh T ký nhận tiền tại Sổ theo dõi của bà H để khởi kiện yêu cầu anh T trả nợ là không đúng vì anh T chỉ là nhân viên được Doanh nghiệp S cử đi nhận tiền. Nay, bà H khởi kiện đòi khoản tiền cho vay 500.000.000 đồng thì Doanh nghiệp tư nhân S chấp nhận trả bà H, nhưng đề nghị khấu trừ 210.000.000 đồng tiền lãi Doanh nghiệp S đã trả cho bà H.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 19/4/2018, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; - Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; - Điều 4, Điều 7, Điều 122, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; - Điều 166, Điều 275, Điều 278, Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H. Buộc ông Ngô Quang T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền 408.125.000 đồng (Bốn trăm lẻ tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá, quyền và nghĩa vụ thi hành án và tuyên bố quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/4/2018, ông Ngô Đình G kháng cáo.

- Ngày 26/4/2018, bị đơn là anh Ngô Quang T kháng cáo.

- Ngày 02/5/2018, nguyên đơn là bà Phan Thị H kháng cáo.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2018/DS-PT ngày 31/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Quang T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Đình G. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai về nghĩa vụ trả tiền, án phí dân sự sơ thẩm, Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 4, Điều 7, Điều 122, khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 275, Điều 278, Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

Buộc ông Ngô Quang T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền 408.125.000 đồng (Bốn trăm lẻ tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2017/QĐ-BPKCTT ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C cho đến khi biện pháp khẩn cấp tạm thời bị thay đổi, hủy bỏ.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị H, sửa bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai về biện pháp bảo đảm. Xử:

Bà Phan Thị H được nhận lại khoản tiền bảo đảm 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) từ tài khoản phong tỏa số 5004205162006 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C Gia Lai theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2017/QĐ-BPBĐ ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tòa án phúc thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả thi hành án.

- Ngày 04/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được Đơn đề nghị của anh Ngô Quang T yêu cầu kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm, Bản án phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 50/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 06/5/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2018/DS-PT ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bà Trần Thị Hiếu xuất trình giấy có nội dung "*Ngày 16/6/2015 con Tín có nhận Bác Bảy 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng)"* để khởi kiện yêu cầu anh Ngô Quang T trả bà H 500.000.000 đồng. Anh Ngô Quang T thừa nhận chữ viết và chữ ký tại giấy do bà H xuất trình là chữ viết, chữ ký của anh T; nhưng trình bày Anh chỉ là 1 trong số 11 nhân viên của Doanh nghiệp S, được Doanh nghiệp S giao nhiệm vụ đi gặp bà H nhận tiền Doanh nghiệp S vay bà H và sau khi nhận tiền anh T đã nộp vào quỹ của Doanh nghiệp S nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Xét, nội dung Giấy do bà H xuất trình nêu trên chỉ thể hiện anh T *"có nhận"* của bà H 500.000.000 đồng mà không thể hiện rõ nội dung anh T vay tiền của bà H; mặt khác, nếu anh T vay tiền của bà H thì nội dung Giấy không thể hiện lãi suất, không ghi ngày trả là không bình thường, trong khi Ông G (Chủ Doanh nghiệp S) xác nhận trình bày của anh T và đồng ý trả khoản vay này cho bà H. Năm 2017, sau khi Doanh nghiệp S làm ăn thua lỗ, bị các chủ nợ tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thì bà Ngô Thị Đ (mẹ anh T) thừa nhận năm 2015, Doanh nghiệp S có vay bà H 500.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ 480.000.000 đồng (bút lục 311, 325).

[2]. Ngoài việc anh H (nhân viên của Doanh nghiệp S) gặp bà H nhận 500.000.000 đồng nêu trên thì Doanh nghiệp S còn cung cấp các tài liệu thể hiện từ năm 2011 đến 2016, Doanh nghiệp vay tiền bà H nhiều lần, lãi suất từ 2%/tháng đến 6%/tháng. Khi vay tiền của bà H thì Doanh nghiệp S đều cử 11 nhân viên của Doanh nghiệp (trong đó có anh T) và còn nhờ 02 khách hàng của Doanh nghiệp đến gặp bà H nhận tiền; anh T đến gặp bà H nhận tiền 06 lần, điều này bà H và những người làm chứng đều xác nhận. Đối với khoản tiền 500.000.000 đồng anh T nhận từ bà H ngày 16/6/2015 thì Doanh nghiệp S xác nhận anh T đã nhập vào quỹ của Doanh nghiệp (bút lục 240) và bà H đã ký nhận tổng cộng 210.000.000 đồng tiền lãi do Doanh nghiệp S chi trả tại 9 *Phiếu chi tiền* (bl 241-249), điều này cho

thấy việc bà H cho rằng anh T vay bà H 500.000.000 đồng vào ngày 16/6/2015 là không phù hợp.

[3]. Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên, bước đầu có cơ sở xác định anh T cũng như nhiều nhân viên khác của Doanh nghiệp S chỉ là người do Doanh nghiệp S cử đến gặp bà H nhận tiền bà H cho Doanh nghiệp S vay. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm nhận định anh T, Ông G không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh T nhận từ bà H 500.000.000 đồng thay Doanh nghiệp S để xác định anh T vay bà H khoản tiền này để buộc anh T trả nợ, nhưng lại khấu trừ cho anh T khoản tiền lãi 210.000.000 đồng do Doanh Nghiệp S chi trả là không đúng vì không buộc bà H cung cấp chứng cứ chứng minh anh H thỏa thuận vay tiền (chứ không phải chỉ "*nhận tiền"* như nội dung giấy ngày 16/6/2015) của bà H và mâu thuẫn.

[4]. Theo lời khai của những người làm chứng có tại hồ sơ vụ án thì khi họ đến gặp bà H nhận tiền thay Doanh nghiệp S, có lúc họ ghi rõ nội dung nhận tiền thay Doanh nghiệp S và ký tên nhận tiền vào Sổ của bà H, nhưng có lúc họ không ghi nội dung nhận tiền thay mà chỉ ký tên nhận tiền vào Sổ của bà H. Quá trình giải quyết vụ án, anh T, Ông G có yêu cầu bà H cung cấp Sổ ghi các khoản cho Doanh nghiệp S vay, nhưng bà H không xuất trình vì cho rằng các khoản cho Doanh nghiệp S vay đã tất toán. Thực tế, anh T có nhận tiền từ bà H 6 lần; tuy bà H không xuất trình hết tài liệu thể hiện lý do 06 lần anh T nhận tiền của bà H, nhưng nội dung 01 tờ giấy thể hiện vào các ngày 18/2/2013, 20/2/2013 anh T nhận tiền từ bà H với lý do nhận thay Doanh Nghiệp S (bl 185, 266, 239). Do đó, khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cần yêu cầu bà H cung cấp Sổ ghi theo dõi các lần 11 nhân viên của Doanh nghiệp S (trong đó có anh T) và 02 khách hàng của Doanh nghiệp S nhận tiền của bà H để xem xét lý họ nhận tiền của bà H; trên cơ sở này và các tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án này để giải quyết khách quan, toàn diện vụ án, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự; trường hợp không thu thập được Sổ nêu trên thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phân tích tại các luận điểm nêu trên để giải quyết vụ án.

Từ phân tích tại các luận điểm nêu trên, Hội đồng giám đốc thẩm xét thấy Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 50/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 06/5/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ nên chấp nhận, cụ thể;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2018/DS-PT ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Bản án dân sự sơ thẩm số

03/2018/DS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã giải quyết vụ án *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"* giữa nguyên đơn là bà Phan Thị H với bị đơn là anh Ngô Quang T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Đình G (Chủ Doanh nghiệp tư nhân S);

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai (2 bản kèm hồ sơ để giải quyết sơ thẩm lại);
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng (để biết);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tiến